

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 15/3/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Hồng Vũ;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;

2. Bà Nguyễn Thị Lan;

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Kim D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng, hai bên tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2008 tại UBND xã Chư Kô, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, trong đời sống hôn nhân của hai vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Nguyễn

Ngọc T ghen tuông vô cớ, đánh chị D nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn kéo dài nhưng không thể giải quyết được. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can và Ban hòa giải Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng chị D không thể hàn gắn. Từ tháng 02 năm 2020 đến nay, chị D phải ra ngoài để thuê phòng trọ để sinh sống riêng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 18/01/2013. Tại đơn khởi kiện, chị D yêu cầu được nuôi các con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng mỗi cháu 500.000đồng/tháng; tại Bản tự khai ngày 17/7/2020 chị D yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Thu H và giao cháu Nguyễn Ngọc H cho anh Nguyễn Ngọc T nuôi dưỡng. Tuy nhiên, đến ngày 17/12/2020 chị D có Bản tự khai, xin thay đổi nội D yêu cầu về nuôi con chung, theo đó chị D đề nghị giao 02 con cho anh Nguyễn Ngọc T nuôi dưỡng và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Ý kiến của anh Nguyễn Ngọc T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Ngọc T đến Tòa án để trình ý kiến, cung cấp lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh T có lời khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị D là vợ chồng, việc đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của chị D. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ khoảng tháng 9/2019 thì vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị D có quan hệ tình cảm với người khác, về nhà chị D hay cáu gắt với anh và các con, không quan tâm, chăm sóc đến gia đình. Sau đó, chị D thuê nhà ở riêng nên hai vợ chồng sống ly thân. Nay chị Trần Thị D yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 03/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 18/01/2013. Khi ly hôn, anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu được nuôi các con và không yêu cầu chị Trần Thị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Trần Ngọc T không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 17/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai tiến hành xác minh tại Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng của anh T và chị D, xác định được như sau: Từ năm 2018 cho đến

nay, anh Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị D nhiều lần xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc xô xát, đánh nhau. Ban hòa giải Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh T cho rằng, chị D có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên nhiều lần đuổi đánh chị D ra khỏi nhà. Hiện tại cháu Nguyễn Thị Thu H và cháu Nguyễn Ngọc H đang sống cùng anh T tại Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định về pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn. Giao con chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/01/2013 cho anh Nguyễn Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Trần Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là chị Trần Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T có địa chỉ cư trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã tổng đạt các Văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị D đã ký nhận các Biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định. Đối với anh Nguyễn Ngọc T tuy nhận các Văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng anh T không ký vào các Biên bản giao, nhận Văn bản tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đã tiến hành lập Biên bản về việc anh Nguyễn Ngọc T từ chối ký nhận Biên bản giao nhận Văn bản tố tụng đúng quy định. Do đó, thủ tục tổng đạt các Văn bản tố tụng mà Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đã thực hiện là hợp lệ, đúng quy định của pháp luật.

Về tính hợp pháp của việc thu thập chứng cứ đối với lời khai của anh Nguyễn Ngọc T: Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đã tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn

Ngọc T về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị D và ghi nhận nguyện vọng của con chưa thành niên theo đúng quy định. Tuy anh Nguyễn Ngọc T không ký vào Biên bản lấy lời khai và không đồng ý cho cháu Nguyễn Thị Thu H; cháu Nguyễn Ngọc H ký vào Bản trình bày ý kiến nhưng việc Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Ngọc T và ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của con chưa thành niên khi giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình là đúng quy định tại các Điều 48, 70, 72, 97, 98, 204 và 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập đều hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy:

Về quan hệ hôn nhân, chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân hợp pháp. Mặc dù chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc T đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh T có lời khai thừa nhận, trong đời sống hôn nhân của hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T nghi ngờ chị D không chung thủy nên nhiều lần đánh đập, đuổi chị D ra khỏi nhà nên từ tháng 02 năm 2020, chị D đã thuê phòng trọ để sống riêng và đi làm thuê. Lời thừa nhận của chị D và anh T là phù hợp với kết quả xác minh vào ngày 17/12/2020 của Tòa án tại Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T.

Hiện nay, chị D đã chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh để làm việc, còn anh Nguyễn Ngọc T đang sống cùng các con tại Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Cả hai bên chỉ lo cho cuộc sống riêng mà không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển. Mặc dù đã được Ban hòa giải Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng không muốn đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc T đã diễn ra trong thời gian dài nhưng không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa; chị D có đơn xin vắng mặt, thể hiện ý chí của các bên không mong muốn đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D. Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung, chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/01/2013 đều chưa đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị D đề nghị Tòa án giao các con cho anh Nguyễn Ngọc T nuôi dưỡng và chị D không cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chưa thành niên,

thấy rằng: Hiện tại chị D chưa có nhà riêng, phải đi thuê trọ và làm thuê nên không đảm bảo điều kiện tốt cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chưa thành niên. Trong thời gian chị D và anh T sống ly thân cho đến nay, các cháu đều sinh sống cùng anh T, đời sống sức khỏe và học tập đều ổn định; thu nhập hàng tháng của anh T cũng đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu. Tuy anh T không đến Tòa án để trình bày trực tiếp về vấn đề nuôi con chung nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2020, anh Nguyễn Ngọc T có trình bày ý kiến nếu ly hôn thì anh mong muốn được nuôi 02 con và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Thu H và cháu Nguyễn Ngọc H đều có nguyện vọng là mong muốn tiếp tục được ở cùng với bố. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của con chưa thành niên khi giải quyết ly hôn, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/01/2013 cho anh Nguyễn Ngọc T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị D.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/01/2013 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18. Chị Trần Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Nguyễn Ngọc T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị D đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006002 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND thị trấn Ia Kha;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Vũ